

**Phụ lục 1: DANH SÁCH CÁC THUỐC ĐƯỢC LỰA CHỌN**  
**(Đính kèm Thông báo kết quả xét chọn thuốc Số 105/TB-TMH ngày 24/02/2026)**

STT	Nhà thầu	Mã thuốc mới chào giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Quy cách	Cơ sở sản xuất/Nước sản xuất	Nhóm T CKT	SDK hoặc GPNK	Đơn giá đề nghị cung cấp	Đơn giá đề nghị cung cấp	Kết luận (Đạt/Ko đạt)
1	Công ty Cổ phần Ameriver Việt Nam	XCGE26	Clarus	Desloratadine	0,5mg/ml, chai 150ml	Uống	Dung dịch uống	Chai	Hộp 1 chai x 150ml	Laboratórios Basi - Indústria Farmacêutica, S.A. - Portugal	1	560100765924	185.000	185.000	Đạt
2	Công ty Cổ phần Ameriver Việt Nam	XCGE28	Miklanso 60	Dexlansoprazol (dưới dạng Dexlansoprazol pellets 20% ww)	60mg	Uống	Viên nang cứng chứa pellets bao tan trong ruột	Viên	Hộp 03 vỉ x 10 viên	Nhà máy HDPHARMA EU - Công ty Cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam	2	893110261624	21.000	21.000	Đạt
3	Công ty Cổ phần Ameriver Việt Nam	XCGE36	Tux-Asol	Levodropropizin	60mg	Uống	Viên nén	Viên	Hộp 03 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun - Việt Nam	4	893110484624 (VD-32523-19)	4.998	4.800	Đạt
4	Công ty cổ phần dược phẩm AS pharma	XCGE11	Betamox Plus 400	Amoxicillin + Acid clavulanic	(400mg + 57mg)/5ml - 100ml	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Chai	Hộp 1 chai 100ml	Laboratórios Atral, S.A., Portugal	1	560110431823	295.000	295.000	Đạt
5	Công ty TNHH Dược phẩm Bảo Châu	XCGE29	Prolandex 30	Dexlansoprazol	30mg	Uống	Viên nang cứng chứa vi hạt bao tan trong ruột	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty dược phẩm BV pharma/Việt Nam	4	893110376824	15.500	13.800	Đạt
6	Công ty TNHH Dược phẩm Bảo Châu	XCGE30	Prolandex 60	Dexlansoprazol	60mg	Uống	Viên nang cứng chứa vi hạt bao tan trong ruột	Viên	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Công ty dược phẩm BV pharma/Việt Nam	4	893110302924	18.500	18.000	Đạt
7	Công ty cổ phần dược phẩm Boston Việt Nam	XCGE17	Bosditen 400	Cefditoren (dưới dạng Cefditoren Pivoxil)	400mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam/ Việt Nam	4	VD-35426-21	20.900	20.900	Đạt

*Handwritten signature*

STT	Nhà sản	Mã thuốc mới chào giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Quy cách	Cơ sở sản xuất/Nước sản xuất	Nhóm T CKT	SDK hoặc GPNK	Đơn giá trúng thầu	Đơn giá đề nghị cung cấp	Kết luận (Đạt/Ko đạt)
8	Công ty cổ phần dược phẩm Boston Việt Nam	XCGE38	Magnesium/ Vitamin B6	Magnesi lactat dihydrat; Pyridoxin hydroclorid	470mg; 5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam/ Việt Nam	2	893100059125	672	630	Đạt
9	Công ty TNHH Đại Bắc	XCGE21	Natrofen	Cefprozil (dưới dạng Cefprozil monohydrat)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Hộp 3 vỉ x 4 viên	Remedina S.A, Hy Lạp	1	520110786824 (VN-21377-18)	34.335	34.335	Đạt
10	Công ty TNHH Đại Bắc	XCGE41	Bluemoxi	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin HCl)	400mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Hộp 1 vỉ x 7 viên	Bluepharma Indústria Farmacêutica S.A, Bồ Đào Nha	1	560115985624 (VN-21370-18)	48.250	47.800	Đạt
11	Công ty TNHH Dược Phẩm Đại Đức Tin	XCGE17	Zumfen 400	Cefditoren (dưới dạng cefditoren pivoxil)	400mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun. Việt Nam	4	893110811324 (VD-33491-19)	24.800	24.800	Đạt
12	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	XCGE9	Augmentin ES	Sau khi hoàn nguyên, mỗi 5 mL hỗn dịch thuốc chứa 600mg amoxicillin (dưới dạng amoxicillin trihydrate) và 42,9mg acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanate), tỷ lệ 14:1	Sau khi hoàn nguyên, mỗi 5 mL hỗn dịch thuốc chứa 600mg amoxicillin (dưới dạng amoxicillin trihydrate) và 42,9mg acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanate), tỷ lệ 14:1	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Chai	Hộp 1 chai chứa bột pha 100mL hỗn dịch uống	Glaxo Wellcome Production; Pháp	1	300110965424	325.500	325.500	Đạt

*Handwritten signature*

STT	Nhà thầu	Mã thuốc mời chào giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Quy cách	Cơ sở sản xuất/Nước sản xuất	Nhóm T CKT	SĐK hoặc GPNK	Đơn giá trúng thầu	Đơn giá đề nghị cung cấp	Kết luận (Đạt/Ko Đạt)
13	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	XCGE10	Augmentin ES	Sau khi hoàn nguyên, mỗi 5 mL hỗn dịch thuốc chứa 600mg amoxicillin (dưới dạng amoxicillin trihydrate) và 42,9mg acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanate), tỷ lệ 14:1	Sau khi hoàn nguyên, mỗi 5 mL hỗn dịch thuốc chứa 600mg amoxicillin (dưới dạng amoxicillin trihydrate) và 42,9mg acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanate), tỷ lệ 14:1	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Chai	Hộp 1 chai chứa bột pha 50mL hỗn dịch uống	Glaxo Wellcome Production; Pháp	1	300110965424	218.400	218.400	Đạt
14	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	XCGE15	Betaserc 24mg	Betahistine dihydrochloride	24mg	Uống	Viên nén	Viên	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Mylan Laboratories S.A.S; Pháp	1	300110779724	5.962	5.962	Đạt
15	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	XCBGD1	Ciprobay 500	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin hydrochloride)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Bayer HealthCare Manufacturing S.r.l.	BD	800115179523	13.224	13.224	Đạt
16	Công ty cổ phần Dược Vương	XCGE17	Direntab 400-US	Cefditoren	400mg	Uống	Viên nén bao phim (màu vàng cam)	Viên	hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 3 vỉ x 10 viên	Công ty CP US Pharma USA, Việt Nam	4	893110283300 (VD-32708-19 cũ) QĐ gia hạn số 851/QĐ-QLD có hiệu lực đến 19/12/2029	23.000	23.000	Đạt
17	Công ty TNHH Dược Toàn Cầu	XCGE52	Bolabio	Saccharomyces boulardii	10 <sup>9</sup> CFU	Uống	Thuốc bột	Gói	Hộp 30 gói x 1,0g	Công ty TNHH Liên doanh Hasan Dermapharm - Việt Nam	4	893400306424 (QLSP-946-16)	3.591	3.591	Đạt
18	Công ty cổ phần EQ Pharma	XCGE15	Betixtin	Betahistin dihydrochlorid	24mg	Uống	Viên nén	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Antibiotice SA/Romania	1	594110298525	5.600	5.600	Đạt

*Handwritten signature*

STT	Nhà sản xuất	Mã thuốc mới chào giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Quy cách	Cơ sở sản xuất/Nước sản xuất	Nhóm T CKT	SDK hoặc GPNK	Đơn giá trúng thầu	Đơn giá đề nghị cung cấp	Kết luận (Đạt/Ko đạt)
19	Công ty cổ phần EQ Pharma	XCGE22	Imecefzol 125 SC	Cefprozil	125 mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Gói	Hộp 10 gói x 1g; Hộp 20 gói x 1g	Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương/Việt Nam	2	893110127423	18.000	18.000	Đạt
20	Công ty cổ phần EQ Pharma	XCGE30	Solanup 60	Dexlansoprazol	60mg	Uống	Viên nang cứng chứa pellet bao tan trong ruột	Viên	Hộp 1 vi, 3 vi x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Wealpar/ Việt Nam	4	893110375924	19.000	18.000	Đạt
21	Công ty cổ phần EQ Pharma	XCBDG3	Cebrex	Ginkgo biloba	40mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Hộp 1 vi x 20 viên; Hộp 6 vi x 20 viên	Dr. Willmar Schwabe GmbH & Co. KG/Đức	BD	400200133600 (VN-14051-11); CV gia hạn SDK số 783/QĐ-QLD ngày 19/11/2024	4.200	4.200	Đạt
22	Công ty TNHH dược phẩm Gigamed	XCGE45	Efferalgan	Paracetamol	250mg	Uống	Bột sủi bột để pha dung dịch uống	Gói	Hộp 12 gói	UPSA SAS - Pháp	1	300100523824	3.280	3.280	Đạt
23	Công ty TNHH dược phẩm Gigamed	XCGE46	Panadol Viên Sủi	Paracetamol	500mg	Uống	Viên sủi	Viên	Hộp 6 vi x 4 viên	Haleon Ireland Dungarvan Limited - Ireland	1	539100184423	2.400	2.400	Đạt
24	Công ty TNHH dược phẩm Gigamed	XCGE46	Efferalgan	Paracetamol	500mg	Uống	Viên nén sủi bột	Viên	Hộp 10 vi x 4 viên	UPSA SAS - Pháp	1	300100011324	2.396	2.373	Đạt
25	Công ty TNHH dược phẩm Gigamed	XCGE50	Betadine Gargle and Mouthwash	Povidone Iodine	1% (w/v)	Súc họng và miệng	Dung dịch súc họng và súc miệng	Chai	Hộp 1 chai 125ml	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd. - Cyprus	1	529100078823	60.464	56.508	Đạt
26	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Hacinco Việt Nam	XCGE5	Alphachymotrypsin - BRV 8400	Chymotrypsin	8400 USP unit	Uống	Viên nén	Viên	Hộp 2 vi x 10 viên	Công ty TNHH BRV Healthcare (Tên mới: Công ty cổ phần dược Reliv), Việt Nam	4	893110637724 (SDK cũ: VD-20618-14)	1.300	1.300	Đạt

*Pharm*



STT	Nhà thầu	Mã thuốc mới chào giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Quy cách	Cơ sở sản xuất/Nước sản xuất	Nhóm T CKT	SDK hoặc GPNK	Đơn giá trúng thầu	Đơn giá đề nghị cung cấp	Kết luận (Đạt/Ko Đạt)
35	Công ty Cổ phần Dược phẩm Kiên Anh	XCGE24	Cholin alfoscerat 600mg/7ml	Cholin alfoscerat (dưới dạng: L - alpha glycerophosphoryl cholin (85% oil) 705,9mg)	600mg/7ml	uống	dung dịch uống	ống	Hộp 30 ống x 7ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm công nghệ cao Abipha - Việt Nam	4	893100374425	16.000	16.000	Đạt
36	Công ty Cổ phần Dược phẩm Kiên Anh	XCGE44	Gabsol	Omeprazol + Natri bicarbonat	40mg + 1.100mg	uống	viên nang cứng	viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược Enlie - Việt Nam	4	893110027924	10.380	8.600	Đạt
37	Công ty TNHH Dược phẩm Lavico	XCGE7	Clenbuxol	Ambroxol hydroclorid + Clenbuterol hydroclorid	(7,5mg + 5mcg)/5ml x 60ml	Uống	Siro thuốc	Chai	Hộp 1 chai 60ml	Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương/ Việt Nam	4	893100114924	90.000	90.000	Đạt
38	Công ty TNHH Dược phẩm Lavico	XCGE8	Clenbuxol	Ambroxol hydroclorid + Clenbuterol hydroclorid	(7,5mg + 5mcg)/5ml x 10ml	Uống	Siro thuốc	Ống	Hộp 30 ống x 10ml	Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương/ Việt Nam	4	893100114924	13.000	11.000	Đạt
39	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	XCGE23	MEDORAL	Chlorhexidin digluconat	0,5g/ 250ml	Súc miệng	Thuốc tác dụng tại niêm mạc miệng	Chai	Hộp 1 chai x 250 ml	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap/ Việt Nam	4	VS-4919-15	90.000	90.000	Đạt
40	Công ty cổ phần dược phẩm và y tế Nam Âu	XCGE41	Ratida 400mg film-coated tablets	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydrochlorid)	400mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Hộp 1 vỉ x 5 viên	KRKA, d.d., Novo mesto - Slovenia	1	VN-22635-20	48.200	48.200	Đạt
41	Công ty TNHH Thương mại dược phẩm Phương Hoàng	XCGE43	Zustafa 40	Omeprazol; Natri bicarbonat	40mg; 1680mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch	Gói	Hộp 30 gói x 3g	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế - Việt Nam	4	893110460023	10.590	9.800	Đạt
42	Công ty TNHH Dược phẩm Sao Đỏ	XCGE33	Vinsylat 500	Ethamsylat	500mg	Uống	Viên nén	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc, Việt Nam	4	893110220023	12.600	12.600	Đạt

*Handwritten signature*

STT	Nhà sản	Mã thuốc mời chào giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Quy cách	Cơ sở sản xuất/Nước sản xuất	Nhóm T CKT	SDK hoặc GPNK	Đơn giá trung tâm	Đơn giá đề nghị cung cấp	Kết luận (Đạt/Ko đạt)
43	Công ty cổ phần Dược phẩm và Thiết bị y tế SD Việt Nam	XCGE37	Myzozo	L-Ornithin L-aspartat	3g	Uống	Cốm pha dung dịch uống	Gói	Hộp 30 gói x 5g	Nhà máy HDPHARMA EU - Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương- Việt Nam	2	893110226123	38.000	37.500	Đạt
44	Công ty Cổ phần Dược phẩm ST.Andrews	XCGE41	Rivomoxi 400mg	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydrochlorid)	400mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Hộp 1 vỉ x 5 viên	Rivopharm SA, Switzerland	1	VN-22564-20	48.300	47.800	Đạt
45	Công ty cổ phần y dược Tây Dương	XCGE16	Ankodinir	Cefdinir	(250mg/5ml)/ 50ml	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Lọ	Hộp 1 lọ chứa 30,08g bột pha hỗn dịch để pha 50ml	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2, Việt Nam	4	893110599224 (VD-31927-19)	153.500	153.500	Đạt
46	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm TH Pharma	XCGE27	Miklanso 30	Dexlansoprazol (dưới dạng Dexlansoprazol pellets 20% w/w)	30mg	Uống	Viên nang cứng chứa pellets bao tan trong ruột	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhà máy HDPHARMA EU - Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương - Việt Nam	2	893110345500	18.000	18.000	Đạt
47	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiên Thảo	XCGE18	Meiact Fine Granules	Cefditoren (dưới dạng Cefditoren pivoxil) 50mg	50mg	Uống	Cốm pha hỗn dịch uống	Gói	Hộp 21 gói x 0,5g	Meiji Seika Pharmatech Co., Ltd. - Nhật Bản	1	499110518524 (VN-21722-19)	24.000	24.000	Đạt
48	Công ty cổ phần Dược và Thiết bị y tế Việt Hưng	XCGE53	Teaves	Thiamin mononitrat; Nicotinamid; Pyridoxin hydroclorid; Riboflavin	4,85mg; 20mg; 2mg; 2mg	Uống	Thuốc cốm uống	Gói	Hộp 25 gói x 1,5g	Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco - Việt Nam	4	893110074100 (VD-32549-19)	7.940	7.500	Đạt
49	Công ty cổ phần Dược và Thiết bị y tế Việt Hưng	XCGE43	Hebozeta 40	Omeprazol + Natri bicarbonat	40mg + 1680mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Gói	Hộp 30 gói x 6g	Công ty Cổ phần Dược vật tư y tế Hà Nam - Việt Nam	4	VD-36258-22	11.000	8.390	Đạt

Tổng số thuốc được lựa chọn: 49

*Handwritten signature*